jiāng guǒ

浆果

noun · berry

Example Sentences

Zhè zhǒng jiāng guǒ hěn tián
这 种 浆 果 很 甜。
This kind of berry is very sweet.

Sēn lín lǐ zhǎng mǎn le gè zhǒng jiāng guǒ
森林里 长 满了各 种 浆 果。
The forest is full of various berries.

Tā xǐ huān yòng xīn xiān jiāng guǒ zuò guǒ jiàng
她喜 欢 用 新鲜 浆 果做果 酱 。
She likes to make jam with fresh berries.

Trace each character, then write the word on your own.

浆 浆 浆 浆 浆 浆 浆 浆 浆 浆 浆
浆 浆

果 果 果 果 果 果 果 果 果 果 果